TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2025
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh, bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 504/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1979. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được bà Luyến ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 201 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt (nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản gửi cho Tòa án, nguyên đơn là bà Trương Thị L trình bày: Bà và ông Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 10/3/1997. Cuộc sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau. Năm 2011, bà đi lao động tại Đài Loan nên vợ chồng không có điều kiện để gần gũi, quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện và được hai bên gia đình động viên nhưng

không có kết quả. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện xin ly hôn ông Tuấn.

Bà với ông Tuấn có hai con chung là Bùi Minh T1- sinh ngày 06/12/1998 và Bùi Anh K- sinh ngày 25/01/2008. Bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu T1 vì cháu đã thành niên và đề nghị Tòa án giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu K cùng ông T là 2.000.000đ/tháng cho tới khi cháu Khoa thành niên.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị H đã thông báo cho bà L biết. Bà L vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn T trình bày thống nhất với bà Trương Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung của vợ chồng. Năm 2011, bà L đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, còn ông ở nhà chăm sóc con cái. Mỗi năm bà L đều về thăm nhà. Cách đây mấy tháng, bà L gọi điện thông báo cho ông về việc muốn làm thủ tục ly hôn. Ông có hỏi nguyên nhân thì bà L chỉ bảo là không ở được với nhau thì ly hôn chứ không có nguyên nhân nào khác. Thỉnh thoảng ông có gọi điện động viên, khuyên bảo nhưng bà L vẫn kiên quyết muốn ly hôn. Hiện ông không có biện pháp nào khác để bà L thay đổi quan điểm. Ông xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nên ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

Cháu Bùi Minh T1 đã kết hôn nên không ai phải nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Anh K cho tới khi thành niên và yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho bà Trương Thị L được ly hôn ông Bùi Văn T. Giao con chung Bùi Anh K- sinh ngày 25/01/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Tuấn là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 01/2025 cho tới khi cháu K thành niên. Buộc bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Bà Trương Thị L hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Ông Bùi Văn T hiện đang sinh sống tại xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.3] Các tài liệu bà L gửi cho Tòa án đều được chứng thực hợp pháp nên có cơ sở xác định nội dung các tài liệu thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của bà L.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Trương Thị L và ông Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 10/3/1997. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Bà L cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do tính cách và quan điểm sống khác nhau. Ông T cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Mặc dù hai bên trình bày khác nhau nhưng thực tế vợ chồng đã sống xa nhau từ năm 2011 đến nay dẫn đến hai bên không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và hỗ trợ nhau các vấn đề của cuộc sống. Hiện bà L kiên quyết xin ly hôn, ông T xác định không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho bà L được ly hôn ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đã thành niên là Bùi Minh T1- sinh ngày 06/12/1998 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự thống nhất giao con chung chưa thành niên là Bùi Anh K- sinh ngày 25/01/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu K muốn được ở cùng ông T nên được chấp nhận. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại*

nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Nhận thấy bà L có địa chỉ cư trú trong nước ở xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương là địa bàn thuộc vùng III có mức lương tối thiểu vùng theo quy định là 3.860.000đ/tháng. Vì vậy bà L đề nghị được cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Trương Thị L và ông Bùi Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Anh K- sinh ngày 25/01/2008 cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trương Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T là 2.000.000đ/tháng *(hai triệu đồng một tháng)* kể từ tháng 01/2025 cho tới khi con chung thành niên. Cấp dưỡng theo tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(do chị Phạm Quỳnh Anh nộp thay)* theo biên lai số 0005190 ngày 04/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Bà L phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Quách Thị Phương Thúy